TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 23

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 794, 749, 694, 795 là:

A. 694 **B.** 794 **C.** 795 **D.** 749

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 6 × 6 là:

A. 12 **B.** 30 **C.** 36 **D.** 42

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 64 : 8 là:

A. 56 **B.** 9 **C.** 7 **D.** 8

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giảm 16 đi 2 lần được:

A. 14 **B.** 8 **C.** 9 **D.** 32

Câu 5. *(0,5 điểm)* Số lớn là 14, số bé là 2. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 12 lần **B.** 7 lần **C.** 8 lần **D.** 16 lần

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/9 **B.** 1/3 **C.** 1/5 **D.** 1/6

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 4 dm 5 cm = ... cm

A. 45 **B.** 9 **C.** 405 **D.** 54

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình chữ nhật có đặc điểm nào dưới đây?

A. 3 cạnh, 3 góc

B. 2 góc vuông, 4 cạnh khác nhau

C. 4 góc vuông, 2 cạnh dài bằng nhau, 2 cạnh ngắn bằng nhau

D. 4 cạnh dài bằng nhau, không có góc vuông

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) ..... × 4 = 16

b) ..... : 3 = 35

c) ..... − 399 = 269

d) 15 : ..... = 3

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4, 8, ……, 16, ……, 24

b) 628, 678, 728, 778, ……, ……

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 7 trăm, 6 chục, 9 đơn vị viết là: ……

b) Số lớn nhất trong các số 302, 367, 245, 773, 341 là: ……

c) Số bé nhất trong các số trên là: ……

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 kg = …… g

b) 2 m = …… cm

c) 4 m = …… dm

d) 5 m 2 dm = …… dm

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 7 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 16 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 26 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Tổ Một trồng được 43 cây. Tổ Hai trồng được gấp 3 lần số cây của tổ Một. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây?

a) Tổ Hai trồng được: …… cây

b) Cả hai tổ trồng được: …… cây

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 23

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	D	B	B	C	A	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 16 : 4 = 4

b) 35 × 3 = 105

c) 269 + 399 = 668

d) 15 : 3 = 5

Câu 10.

a) Đếm thêm 4: 4, 8, 12, 16, 20, 24

b) Mỗi số hơn số trước 50 đơn vị: 628, 678, 728, 778, 828, 878

Câu 11.

a) 769

b) Số lớn nhất là 773

c) Số bé nhất là 245

d) 773 + 1 = 774

Câu 12.

a) 5 kg = 5000 g (vì 1 kg = 1000 g)

b) 2 m = 200 cm (vì 1 m = 100 cm)

c) 4 m = 40 dm (vì 1 m = 10 dm)

d) 5 m 2 dm = 52 dm (vì 1 m = 10 dm)

Câu 13.

a) 7 × 2 = 14 (cm)

b) 16 : 2 = 8 (dm)

c) 26 : 2 = 13 (mm)

Câu 14.

Tổ Hai: 43 × 3 = 129 (cây)

Cả hai tổ: 43 + 129 = 172 (cây)